

QUYẾT ĐỊNH

**Định giá tối đa dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc
công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Công chứng năm 2014;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;

*Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá năm 2023;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính về ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa,
dịch vụ do Nhà nước định giá;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 211/TTr-STP ngày
30 tháng 12 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Định giá tối đa dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Bảng giá kèm theo Quyết định này).

Giá dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tại Quyết định này là giá tối đa, đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan triển khai, hướng dẫn, thực hiện; kiểm tra việc chấp hành Quyết định này.

b) Thường xuyên theo dõi sự biến động của giá cả thị trường, phối hợp với Sở Tài chính, các đơn vị liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh giá dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn



tỉnh Đồng Nai theo quy định pháp luật, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Tư pháp trong công tác tham mưu điều chỉnh dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đúng quy định pháp luật, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Các tổ chức hành nghề công chứng

a) Các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh căn cứ tình hình thực tế để quy định mức giá cụ thể, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội tại địa bàn đóng trụ sở, nhưng không vượt quá mức giá tối đa tại Quyết định này và thực hiện kê khai, niêm yết giá theo quy định.

b) Có chính sách hỗ trợ, miễn, giảm mức giá trong thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch đối với các đối tượng gia đình chính sách, người có công với cách mạng và đối tượng khác được pháp luật quy định về chính sách hỗ trợ.

c) Đối với mức giá công chứng phát sinh trong thực hiện công chứng mà chưa được quy định tại Quyết định này thì các tổ chức hành nghề công chứng căn cứ vào điều kiện thực tế và các chi phí hợp lý để áp dụng nhưng không vượt quá mức giá tối đa quy định tại Quyết định này.

4. Phòng Tư pháp các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa có trách nhiệm thông báo công khai mức giá tối đa dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng và tổ chức triển khai theo dõi việc thực hiện Quyết định này tại địa phương.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tư pháp, Tài chính, UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức hành nghề công chứng và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS.



Võ Tấn Đức



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

**BẢNG GIÁ TỐI ĐA DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC
CÔNG CHỨNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

(kèm theo Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của
UBND tỉnh Đồng Nai định giá tối đa dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công
chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai)

STT	Loại việc	Mức giá tối đa
1.	Soạn thảo hợp đồng, giao dịch	(Đồng/trường hợp)
1.1	Hợp đồng kinh tế, thương mại, đầu tư, góp vốn, hợp tác	950.000
1.2	Hợp đồng mua bán, chuyển nhượng, tặng cho, đặt cọc chuyển nhượng tài sản	350.000
1.3	Hợp đồng ủy quyền, thuê, mượn, vay, mượn tài sản, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản	350.000
1.4	Hợp đồng hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thanh lý hợp đồng, giao dịch	230.000
1.5	Di chúc	500.000
1.6	Văn bản khai nhận di sản, phân chia di sản thừa kế	620.000
1.7	Văn bản từ chối nhận di sản	230.000
1.8	Văn bản thỏa thuận liên quan đến hôn nhân và gia đình (phân chia tài sản chung, nhập tài sản riêng vào khối tài sản chung, văn bản về chế độ tài sản vợ, chồng theo thỏa thuận)	540.000
1.9	Soạn thảo các hợp đồng, giao dịch khác	350.000
2.	Đánh máy, in ấn hợp đồng, giao dịch	30.000 đồng/trang
3.	Sao chụp giấy tờ, tài liệu	2000 đồng/tờ A4
4.	Sao lục hồ sơ lưu trữ	140.000 đồng/hồ sơ công chứng
5.	Công việc dịch thuật văn bản	(Đồng/trang)
5.1	Dịch giấy tờ, tài liệu mà nội dung chỉ có 01 trang hoặc chỉ dịch trang đầu của tài liệu có nhiều trang	280.000
5.2	Dịch giấy tờ, tài liệu mà nội dung có nhiều trang. Tính mức giá tối đa từ trang thứ 2 trở đi	220.000
5.3	Trường hợp yêu cầu làm thêm bản dịch, mức tính từ bản dịch thứ hai	20.000

